

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 100/2022/HS-PT

Ngày: 13/7/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 152/2022/TLPT-HS ngày 02/6/2022 đối với bị cáo Phạm Trung Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HSST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Phạm Trung Đ**, sinh năm 1996 (Tên gọi khác: Không); Nơi cư trú: Số nhà A, đường Nguyễn Văn T, thị trấn A L, huyện A L, thành phố H P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Văn N, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có Bị hại và một số Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo, Tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trung Đ, sinh năm 1996 ở số nhà A, đường Nguyễn Văn T, thị trấn A L, huyện A L, thành phố H P là đối tượng không có việc làm ổn định. Khoảng tháng 3/2021, Đ đi làm thuê bán hàng sữa cho chị gái là Phạm Thị Như Q, sinh năm 1986 trú tại tòa nhà VP, phường H Lt, quận H M, thành phố Hà Nội. Công

việc của Đ là dùng tài khoản mạng xã hội của mình là “Phạm Trung Đ” đăng bài viết tư vấn bán hàng trên các Group, Fan Page Facebook. Khi có khách mua hàng, Đ chốt đơn, thông báo lại cho chị Q, cung cấp số tài khoản ngân hàng của chị Q để khách chuyển khoản thanh toán, gửi hàng cho khách để hưởng phần trăm hoa hồng.

Ngày 19/3/2021, chị Mai Thị Tr, sinh năm 1988 ở số nhà A, đường Nguyễn Văn M, phường Tr P, thành phố B G, tỉnh Bắc Giang dùng tài khoản facebook “Mai Tr” nhắn tin đến tài khoản mạng xã hội của Đ đặt hàng mua sữa với tổng giá trị đơn hàng là 9.160.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, Đ cho chị Tr tài khoản ngân hàng số 19027156402024 của chị Q và yêu cầu chuyển khoản thanh toán. Đ thông báo lại cho chị Q biết. Sau khi nhận tiền thanh toán, chị Q báo lại và Đ đã chuyển hàng cho chị Tr theo như đã thỏa thuận. Do tin tưởng nên chị Tr tiếp tục có ý định mua hàng của Đ.

Ngày 03/4/2021, chị Tr nhắn tin và thỏa thuận với Đ mua đơn hàng sữa gồm: một thùng Aptamil Bạc Đ Pre; năm thùng Aptamil Bạc Đ số 01; một thùng Aptamil Bạc Đ số 02; Hai thùng Aptamil Kinder 1+; một thùng Aptamil Kinder 2+; một thùng Aptamil xanh cao Pre; một thùng Aptamil xanh cao Đ số 01; một thùng Aptamil xanh cao Đ số 02; một thùng Aptamil xanh cao Đ số 03; một thùng Aptamil Bạc Anh số 01; một thùng Aptamil Bạc Anh số 02 và một thùng Aptamil Bạc Anh số 03. Tổng giá trị đơn hàng là 49.700.000 đồng. Thời điểm này do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Đ nảy sinh ý định sau khi nhận tiền do chị Tr chuyển khoản mua đơn hàng trên, Đ sẽ chiếm đoạt số tiền này của chị Tr và không giao hàng như thỏa thuận. Để tránh bị chị Q phát hiện, Đ không nói cho chị Q biết việc chị Tr đặt mua hàng đồng thời cho chị Tr tài khoản ngân hàng số 19032652526012 của Đ và bảo chị Tr chuyển tiền đến số tài khoản này thì chị Tr đồng ý.

Hồi 0 giờ 22 phút ngày 04/4/2021, chị Tr sử dụng dịch vụ internet banking chuyển số tiền 49.700.000 đồng từ số tài khoản 19033649577028 của mình mở tại ngân hàng Techcombank chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản 19032652526012 của Đ. Sau khi nhận được số tiền 49.700.000 đồng do chị Tr thanh toán, Đ không chuyển hàng cho chị Tr. Đồng thời trong ngày 04/4/2021, Đ thực hiện các giao dịch chuyển và rút tiền để chi tiêu và sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể: Đ gặp 1 người đàn ông không quen biết làm dịch vụ chuyển tiền từ tài khoản đổi lấy tiền mặt, Đ chuyển cho người này 45.000.000 đồng đến số tài khoản 0001018582711 mang tên Hoàng Văn Cường, sinh năm 1997, số CMND 122882375, địa chỉ thôn 8, xã X H, huyện L G, Bắc Giang để lấy 45.000.000 đồng tiền mặt; chuyển 1.000.000 đồng đến số tài khoản 19031836385555 mang tên Nguyễn Thị V, sinh năm 1987, số CMND: 025187002052, địa chỉ xã P Đ, huyện Đ P, TP Hà Nội; trực tiếp rút số tiền 3.000.000 đồng từ cây ATM, số tiền còn lại ở trong thẻ của Đ. Sau khi chi tiêu

hết số tiền chiếm đoạt được, Đ bỏ trốn khỏi địa phương. Do đã thanh toán tiền nhưng không nhận được hàng, chị Tr có liên lạc với Đ thì được biết số tiền chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Đ đã bị Đ chiếm đoạt nên làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang và giao nộp các tài liệu thể hiện nội dung nhắn tin giữa chị Tr và Đ về việc Đ thừa nhận việc chiếm đoạt tiền mua hàng của chị Trang.

Sau khi lừa đảo chiếm đoạt của chị Tr số tiền 49.700.000 đồng thì Đ đã bỏ trốn vào tỉnh Tây Ninh để làm thuê. Kết quả xác minh tại ngân hàng: Ngân hàng Techcombank cung cấp thông tin chủ tài khoản 19032652526012 là Phạm Trung Đ, sinh ngày 29/10/1996, địa chỉ thị trấn A L, huyện A L, thành phố H P.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Trung Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Án xử xong, ngày 29/4/2022 bị cáo Phạm Trung Đ kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Trung Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày án sơ thẩm xử bị cáo là đúng người đúng tội. Bị cáo xin được hưởng án treo lý do bị cáo đã nhận thức được sai lầm, ăn năn hối cải, đã nộp án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét cho bị cáo có cơ hội được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá hành vi phạm tội cùng nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát ý kiến trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền án phí, bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo, giữ nguyên mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Đ nộp trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo đúng quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo HĐXX thấy: Ngày 04/4/2021, Phạm Trung Đ dùng thủ đoạn gian dối để nhận tiền chuyển khoản đặt mua sữa của chị Mai Thị Tr, sinh năm 1988 ở số nhà A đường Nguyễn Văn M, phường T P, thành phố B G tỉnh Bắc Giang thông qua hình thức bán hàng online qua mạng xã hội. Sau khi được chị Tr chuyển khoản số tiền 49.700.000 đồng, Đ không giao hàng như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền 49.700.000 đồng của chị Tr để chi tiêu cá nhân sau đó bỏ trốn. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS. Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo HĐXX thấy: Án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, bị cáo đã có ý thức nộp tiền án phí thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, tại cấp phúc thẩm bị hại tiếp tục có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình và cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS, phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Trung Đ, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo. Xử: Sửa án sơ thẩm.

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 174, các điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Trung Đ (01 Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự;

2. Án phí: Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Trung Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang